TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-PT
Ngày 04/5/2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa.

Ông Vũ Minh Quán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 04/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-DS ngày 26/01/2018 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐ-PT ngày 23/3/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-PT ngày 16/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tr- Sinh năm 1954 và bà Phạm Thị K - Sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị K là: Ông Nguyễn Quốc Tr (Theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2017) - Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Trọng T - Sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Tổ 30, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị N - Sinh năm 1972 và anh Vũ Viết V - Sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Viết V là chị Bùi Thị N (Theo giấy ủy quyền ngày 11/9/2017) - Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2017, ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K cùng trình bày: Năm 1991 vợ chồng ông Tr, bà K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công C có giấy tờ viết tay với nhau, được ủy ban nhân dân xã G xác nhận, nhưng không làm thủ tục qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng ông, bà sử dụng ổn định đến năm 1997 vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K895306 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0729/QSDĐ ngày 27/12/1997 với tổng diện tích là 1.130m2 tại thôn X, xã G huyện B, tỉnh Lào Cai gồm các thửa số 115 tờ bản đồ số P9-17, diện tích 584m2, mục đích sử dụng là đất vườn nhà; Thửa số 116 tờ bản đồ P9 - 17, diện tích là 264m2, mục đích sử dụng là đất ở; Thửa số 65 tờ bản đồ P9-17, diện tích 164m2, mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước; Thửa số 66 tờ bản đồ P9-17 diện tích 118 m2, mục đích sử dụng là đất trồng lúa nước. Vợ chồng ông, bà sử dụng, canh tác ổn định đến năm 2017 thì xảy ra tranh chấp với gia đình chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V do gia đình anh V, chị N đã đã sử dụng lấn chiếm sang diện tích đất của tại thửa số 115 tờ bản đồ P9-17 với diện tích là 6,8 m2; Tại thửa số 116 tờ bản đồ P9-17 sử dụng lấn chiếm sang là 15,1 m2; tại thửa 115 tờ bản đồ P9-17 là 6,7m^2 (Phần ngõ vào gia đình chị N, anh V theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2017.

Do vậy, ông Tr và bà K khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V phải tháo dỡ công trình trên đất và trả lại cho gia đình ông, bà để ông bà sử dụng tăng gia sản suất.

Bị đơn chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V trình bầy: Thời gian năm 1992 vợ chồng anh, chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh T2 là anh trai anh V diện tích đất là 1.832 m2 tại thôn X, xã G huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị N và anh V đã sử dụng ổn định đến ngày 27/12/1997 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 0739 ngày

27/12/1997 gồm các thửa: 117 diện tích 208 m2 đất ở ổn định; thửa số 130 diện tích 848 m2 đất vườn nhà; Thửa số 145 diện tích 464 m2 đất thủy sản; Thửa số 89 diện tích 90 m2 đất trồng lúa nước; Thửa số 90 diện tích 66 m2 đất trồng lúa nước; Thửa 139 diện tích 156 m2 đất trồng lúa nước. Trong quá trình sử dụng đến năm 2017 thì xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình tại thửa số 115 là 6,8 m2; Thửa 116 là 15,1 m2 là diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Tr và bà K, còn phần ngõ lối vào gia đình chị N là 6,7 m2 (Phần đất này chưa được cấp cho cá nhân, tổ chức nào).

Đến nay ông Tr và bà K khởi kiện yêu cầu gia đình chị N và anh V trả lại cho ông, bà diện tích đất nói trên. Chị N và anh V nhất trí trả lại cho ông Tr và bà K diện tích đất 6,8 m2 tại thửa số 115 và tự tháo dỡ công trình trên diện tích đất 15,1 m2 tại thửa số 116 tờ bản đồ P9 - 17. Ông Tr cũng nhất trí không có ý kiến gì.

Đối với diện tích 6,7 m2 là lối ngõ vào gia đình chị N, ông Tr cho rằng là diện tích đất ông Tr và bà K đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông, bà nằm trong thửa 115, tờ bản đồ P9-17. Theo chị N diện tích đất này là đất chưa được cấp cho cá nhân, tổ chức nào nên chị N và anh V không nhất trí trả theo yêu cầu của ông Tr và bà K. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 12/9/2017 chị N và anh V có yêu cầu phản tố với nội dung yêu cầu vợ chồng ông Tr và bà K phải trả lại cho anh, chị diện tích đất 11,7 m2 đất ở tại thửa số 117 tờ bản đồ P9 - 17 là đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho gia đình anh chị. Hiện nay do ông Tr và K đang sử dụng, nhưng ông Tr và bà K không nhất trí. Nay chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr và bà K phải trả lại cho anh chị diện tích đất nói trên.

Tại phiên sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc Tr là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị K là đồng nguyên đơn trong vụ án yêu cầu chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V trả lại diện tích đất 6,8 m2 tại thửa số 115 và tự tháo dỡ công trình trên diện tích đất 15,1 m2 tại thửa số 116 tờ bản đồ P9 - 17. Chị Bùi Thị N là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Viết V cũng nhất trí theo yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tr.

Tại bản án số 05/2017/DSST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Xử Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Quốc Tr và chị Bùi Thị N như sau: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Quốc Trvà bà Phạm Thị K diện tích đất 6,8 m2 đất vườn tại thửa số 115 tờ bản đồ P9-17 có 03 mặt tiếp giáp cụ thể:

- Phía bắc nằm trong thửa đất 115 có cạnh kích thước là 14,8m;
- Phía Đông tiếp giáp thửa 116 có cạnh kích thước là 0,93m;
- Phía Nam giáp thửa đất 117 có cạnh kích thước là 14,89m (Có sơ đồ kèm theo).

Chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V tự tháo dỡ công trình trên đất trả lại 15,1 m2 đất ở, tại thửa số 116 tờ bản đồ P9-17 cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K có 03 mặt tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía bắc nằm trong thửa đất số 116 có cạnh kích thước là 10,88m;
- Phía nam giáp thửa đất số 130 có cạnh kích thước là 8,72m;
- Phía Đông giáp ngõ xuống ao nhà ông Tr có cạnh kích thước là 0,4 m (Có sơ đồ kèm theo).
- Phía Tây giáp thửa 117có cạnh kích thước là 3,59 m.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Xử bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K đối với yêu cầu chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V về việc trả lại diện tích 6,7 m2 thuộc lối ngõ vào gia đình chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xử buộc ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K phải trả lại cho chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V diện tích 11,7 m2 đất ở, tại thửa số 117 tờ bản đồ P9-17 tại thôn X, xã G, huyện B tỉnh Lào Cai có các cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Bắc nằm trong thửa đất số 116 có cạnh kích thước là 10,88m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 130 có cạnh kích thước là 8,72m;
- Phía Đông giáp ngõ xuống ao nhà ông Tr, có cạnh kích thước là 0,4m;
- Phía Tây giáp thửa 117có cạnh kích thước là 2,60 m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/01/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr; bà Phạm Thị K đã kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 26/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 13/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K. Kết quả như sau:

Tổng diện tích hộ ông Nguyễn Quốc Tr đang sử dụng là 774,6 m2, đặc điểm tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Là hàng rào tre, có chiều dài là 38,5m; giáp đất hộ ông Hoàng Văn Th.

- Phía Tây: Có chiều dài 16,26m; giáp đường liên thôn xã G đi thôn Tả Thàng.

- Phía Đông: Có chiều dài 22,77m; giáp vườn ngô nhà ông Phạm Văn Th2.

- Phía Nam: Là tường xây và hệ thống tường công trình phú giáp đất hộ ông Vũ Viết V, bà Bùi Thị N.

Sau khi có kết quả đo đạc tại thực địa, tổ đo đạc đã lồng ghép lên các thửa đất 114, 115, 116, 117 tờ bản đồ địa chính P97 được số hóa chuyển khối năm 2005 với kết quả như sau:

*** Hộ gia đình ông Nguyễn Quốc Tr đang sử dụng lấn chiếm như sau:**

- Diện tích 44,4m2 là đất thuộc thửa đất số 282 (đất giao thông);

- Diện tích 1 m2 thuộc thửa đất 114 là của hộ bà Phạm Thị Gái.

- Diện tích 26,7 m2 thuộc thửa đất số 117 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Viết V).

*** Hộ gia đình ông Vũ Viết V, bà Bùi Thị N đang sử dụng lấn chiếm như sau**: Diện tích 18,9 m2 thuộc thửa đất 116 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ của hộ gia đình ông Nguyễn Quốc Tr).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quốc Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố

tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K. Buộc ông Vũ Viết V và bà Bùi Thị N có trách nhiệm trả lại phần đất mà hộ bà N ông V sử dụng lấn chiếm sang nhà ông Tr bà K là 18,9m^2 theo biên bản thẩm định của TAND tỉnh Lào Cai ngày 13/3/2018. Ngoài ra yêu cầu phản tố của ông V bà N cũng cần được chấp nhận bởi theo biên bản thẩm định của TAND tỉnh Lào Cai ngày 13/3/2018 thì hộ gia đình ông Tr bà K tại thửa 116 cũng đã lấn sang đất của ông V bà N tại thửa 117 là 26,7m^2. Đề nghị HĐXX buộc ông Tr bà K phải có trách nhiệm trả cho ông V bà N số diện tích lấn chiếm sang là 26,7m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án "tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tr, bà Phạm Thị K; người bị kiện: Anh Vũ Viết V, chị Bùi Thị N. Được Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và giải quyết tại bản án số 05/2017/DSST ngày 26/12/2017. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Tr; bà Phạm Thị K đã kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Xét thấy, ông Tr và bà K có đơn kháng cáo đúng thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nguồn gốc diện tích đất:

Năm 1991 vợ chồng ông Tr, bà K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công C có giấy tờ viết tay với nhau, được ủy ban nhân dân xã G xác nhận, nhưng không làm thủ tục qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng ông, bà sử dụng ổn định đến năm 1997, được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K895306 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0729/QSDĐ ngày 27/12/1997 với tổng diện tích là 1.130m2 gồm các thửa số 115, 116, 65 và 66 tờ bản đồ số P9-17 tại thôn X, xã G huyện B, tỉnh Lào Cai.

Năm 1992, vợ chồng anh, chị V N có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh T2 là anh trai anh Vũ Viết V diện tích đất là 1.832 m2 tại thôn X, xã

G huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị N và anh V đã sử dụng ổn định đến ngày 27/12/1997 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 0739 ngày 27/12/1997. Gồm các thửa số 117, 130, 145, 89, 90 và 139.

Như vậy, hai bên đều được nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cùng ngày 27/12/1997 đúng quy định của pháp luật. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, đều sử dụng ổn định và không có khiếu nại gì đối với diện tích đất đã được cấp, trong quá trình sử dụng hai bên gia đình đã tự lấn chiếm sang diện tích của nhau dẫn đến tranh chấp.

Sau khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích tranh chấp đã xác định được diện tích hai bên gia đình được cấp GCNQSDĐ và hiện trạng sử dụng lấn chiếm sang nhau.

Bản án sơ thẩm quyết định buộc hai bên phải trả lại phần diện tích đã sử dụng lấn chiếm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại Giấy bán, chuyển nhượng nhà cửa hoa màu (BL11) chỉ ghi nội dung, ông Nguyễn Công C chuyển nhượng lại nhà ở tại khu vực đội 5 nông trường cũ cho ông Nguyễn Quốc Tr, bà Phạm Thị K. Ngoài lời khai của ông Nguyễn Quốc Tr thì trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện diện tích và đặc điểm tứ cận của diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công C. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh phần diện tích diện tích 11,7 m2 đất ở, tại thửa số 117 tờ bản đồ P9-17 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Viết V mà hộ ông Tr đã sử dụng lấn chiếm là phần diện tích do ông Tr mua lại của ông C.

Ngoài ra, sau khi được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số K895306 ngày 27/12/1997, hộ ông Nguyễn Quốc Tr không có ý kiến khiếu nại gì đối với diện tích đã được cấp.

Việc ông Nguyễn Quốc Tr cho rằng phần diện tích mà gia đình ông đã sử dụng chồng lấn là của gia đình ông mua của ông C nên không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, sau khi thụ lý phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi có kết quả đo đạc tại thực địa, tổ đo đạc đã lồng ghép lên các thửa đất 114, 115, 116, 117 tờ bản đồ địa chính P97 được số hóa chuyển khối năm 2005 với kết quả:

- Hộ gia đình ông Nguyễn Quốc Tr đang sử dụng lấn chiếm diện tích 26,7 m2 thuộc thửa đất số 117 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Viết V).

- Hộ gia đình ông Vũ Viết V, bà Bùi Thị N đang sử dụng lấn chiếm diện tích 18,9 m2 thuộc thửa đất 116 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ của hộ gia đình ông Nguyễn Quốc Tr).

Như vậy, xác định trên thực tế hai hộ gia đình đang sử dụng lấn chiếm sang phần diện tích đã được cấp GCNQSDĐ của nhau. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc các đương sự phải trả lại cho nhau phần diện tích sử dụng lấn chiếm là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định diện tích đất tranh chấp của Tòa án cấp phúc thẩm có thay đổi so với kết quả xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần sửa bản án sơ thẩm về việc buộc hai bên phải trả cho nhau phần diện tích đã sử dụng lấn chiếm của mỗi bên cho đúng với kết quả đo đạc do Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tiến hành thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị N nhất trí với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại số liệu chính xác như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đối với phần diện tích tích 6,7 m2 thuộc lối ngõ vào gia đình chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V, là đất chưa được cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, tổ chức nào nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Tr và bà K.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K sửa bản án sơ thẩm, nên ông Tr và bà K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018 theo yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K phải chịu tòan bộ chi phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 209 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Trvà bà Phạm Thị K, sửa bản án số 05/2017/DSST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Quốc Trvà bà Phạm Thị K diện tích đất 18,9 m2 thuộc thửa đất 116 tờ bản đồ P9-17 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ của hộ gia đình ông Nguyễn Quốc Trrị).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Xử bác yêu cầu của ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K đối với yêu cầu chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V về việc trả lại diện tích 6,7 m2 thuộc lối ngõ vào gia đình chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xử buộc ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K phải trả lại cho chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V diện tích 26,7 m2 thuộc thửa đất số 117 (đất đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Viết V). (có sơ đồ kèm theo)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007289 ngày 07/8/2017 của chi cục Thi hành án huyện B. Xác nhận ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007318 ngày 13/9/2017 của chi cục Thi hành án huyện B. Xác nhận chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do ông Nguyễn Quốc Trđã nộp và đã chi hết. Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K phải chịu 1.450.000đ (Một triệu bốn trăn năm mươi nghìn đồng).

Chị Bùi Thị N và anh Vũ Viết V phải chịu 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này chị

Bùi Thị N và anh Vũ Viết V có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc Trvà bà Phạm Thị K chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do ông Nguyễn Quốc Trđã nộp.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Tr và bà K 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: 0007434 ngày 05/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

3.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tiến hành: Ông Nguyễn Quốc Tr và bà Phạm Thị K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.500.000 đồng. Xác nhận ông bà đã nộp đủ số tiền trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lương